CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TOÀN THỊNH PHÁT

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
đã được soát xét

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-33
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302602811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 04 năm 2003

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 06 tháng 01 năm 2012, Công ty đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 1, Số 130, đường Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, Số 130 Nguyễn Ái Quốc, TP.Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Phú Kiệt	Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Huy	Phó chủ tịch Thường trực
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó chủ tịch
Ông Trần Nguyên Huân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Vân	Thành viên

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Mẫn	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đình Chương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Mỹ Hằng	Phó Tổng Giám đốc

Thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đoàn Thanh Việt	Trưởng ban
Ông Lê Quốc Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Sơn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của công ty phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Tp.HCM, ngày 10 tháng 07 năm 2012
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TOÀN THỊNH PHÁT
M.S.D.N: 0300 ... TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Ngọc Mẫn

Số: 018/2012/BC.SXTC-AA

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát được lập ngày 10 tháng 07 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có còn chứa đựng các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp.HCM, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA)

Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Lê Văn Thanh	**Nguyễn Hữu Trí**
Chứng chỉ KTV số: 0357/KTV	Chứng chỉ KTV số: 0476/KTV

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN MỸ

AA - American Auditing Company: Auditing. Consulting. Accounting. Finance. Taxation. Investment. Management. Software. Headhunter and Training.
AA - 美國審計公司 ： 審計 ，諮詢 ，會計 ，財務 ，課稅 ，銀行 ，投資 ，管理 ，會計軟體 ，人才聘用以及培訓.
AA - Công ty Kiểm Toán Mỹ: Kiểm toán. Tư vấn. Kế toán. Tài chính. Thuế. Ngân hàng. Đầu tư. Quản trị. Phần mềm. Tuyển dụng và Đào tạo
Website: http://aa.com.vn Email: info@aa.com.vn Tel: (84-8) 39321284 Hotline: 0903 699 894

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**839.697.575.446**	**967.610.662.261**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**66.040.503.821**	**31.662.817.299**
111	1. Tiền		26.040.503.821	31.662.817.299
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	-
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4**	**335.825.000.000**	**430.825.000.000**
121	1. Đầu tư ngắn hạn		335.825.000.000	430.825.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**283.746.868.299**	**349.892.794.945**
131	1. Phải thu của khách hàng		109.239.654.413	147.737.237.121
132	2. Trả trước cho người bán		53.466.107.731	35.751.655.803
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		2.045.681.593	2.045.681.593
135	5. Các khoản phải thu khác	5	119.692.097.962	165.054.893.828
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(696.673.400)	(696.673.400)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**6**	**104.176.258.703**	**107.750.497.037**
141	1. Hàng tồn kho		104.176.258.703	107.750.497.037
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**49.908.944.623**	**47.479.552.980**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.514.908.524	5.215.553.707
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		15.631.626.843	20.219.315.046
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	1.457.882.725	365.445.973
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	28.304.526.531	21.679.238.254
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.280.310.556.131**	**912.680.591.768**
220	**II. Tài sản cố định**		**1.072.217.946.957**	**672.387.745.735**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	214.170.661.695	178.353.508.837
222	- Nguyên giá		263.975.787.514	211.918.482.092
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(49.805.125.819)	(33.564.973.255)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	150.798.630.297	120.213.784.967
228	- Nguyên giá		152.334.470.337	120.882.953.883
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(1.535.840.040)	(669.168.916)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	707.248.654.965	373.820.451.931
240	**III. Bất động sản đầu tư**		**29.677.212.636**	**24.457.589.234**
241	- Nguyên giá		31.705.138.415	26.105.138.415
242	- Giá trị hao mòn luỹ kế		(2.027.925.779)	(1.647.549.181)
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**66.115.779.707**	**146.554.934.736**
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12	24.486.541.736	56.882.073.736
258	3. Đầu tư dài hạn khác	13	41.629.237.971	95.126.861.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	(5.454.000.000)
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**76.121.012.734**	**53.703.238.730**

261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	70.442.148.938	49.813.245.743
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		5.225.163.796	3.390.292.987
268	3. Tài sản dài hạn khác		453.700.000	499.700.000
269	**VI. Lợi thế thương mại**		**36.178.604.097**	**15.577.083.333**
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.120.008.131.577**	**1.880.291.254.029**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.671.332.761.469**	**1.470.489.520.942**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**620.071.550.923**	**783.603.209.170**
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	270.453.072.229	383.718.551.754
312	2. Phải trả người bán		89.775.875.816	102.382.505.076
313	3. Người mua trả tiền trước		148.670.204.663	129.727.002.338
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	55.873.342.986	66.506.655.804
315	5. Phải trả người lao động		3.138.466.121	2.229.145.706
316	6. Chi phí phải trả	17	47.776.943.726	86.802.156.370
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		3.144.920.946	3.144.920.946
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	10.213.878.164	16.639.736.031
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		154.938.469	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(9.130.092.197)	(7.547.464.855)
330	**II. Nợ dài hạn**		**1.051.261.210.546**	**686.886.311.772**
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	1.050.100.160.807	686.359.382.778
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		212.965.500	24.979.827
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	501.949.167
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		948.084.239	-
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**424.956.010.638**	**402.656.084.695**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**20**	**424.956.010.638**	**402.656.084.695**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		396.741.270.000	344.996.080.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.739.072.000	42.236.842.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		(980.000.000)	(980.000.000)
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		(5.184.736.687)	(5.616.287.472)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.640.405.325	22.019.450.168
439	**C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**		**23.719.359.470**	**7.145.648.391**
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.120.008.131.577**	**1.880.291.254.029**

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2012

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Bảo An	Nguyễn Phú Hoà	Nguyễn Ngọc Mẫn

M.S.D.N: 0302602... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TOÀN THỊNH PHÁT TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	Chỉ tiêu		Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
01	**1.**	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**21**	**235.088.926.299**	**249.454.989.187**
02	**2.**	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	**22**	**1.525.504.977**	**1.580.304.717**
10	**3.**	**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**23**	**233.563.421.322**	**247.874.684.470**
11	**4.**	**Giá vốn hàng bán**	**24**	**191.220.715.408**	**208.369.607.171**
20	**5.**	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**42.342.705.914**	**39.505.077.299**
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	25	81.892.634.556	44.923.059.157
22	7.	Chi phí tài chính	26	58.378.733.583	57.935.885.272
23		*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*62.577.691.521*	*56.214.418.243*
24	8.	Chi phí bán hàng		1.609.798.742	873.375.342
25	9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp		35.679.521.252	25.747.368.373
30	**10.**	**Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh**		**28.567.286.893**	**(128.492.531)**
31	11.	Thu nhập khác	27	1.828.791.706	5.874.604.289
32	12.	Chi phí khác	28	2.061.192.970	5.289.722.992
40	**13.**	**Lợi nhuận khác**		**(232.401.264)**	**584.881.297**
50	**15.**	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**28.334.885.629**	**456.388.766**
51	16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	5.515.363.505	815.053.391
52	17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30	(1.459.350.514)	-
60	**18.**	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**24.278.872.638**	**(358.664.625)**
61	**18.1.**	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số**		**(224.131.914)**	**334.883.285**
62	**18.2.**	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ**		**24.503.004.552**	**(693.547.910)**
70	**19.**	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**31**	**703**	**(20)**

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2012

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Bảo An	Nguyễn Phú Hoà	Nguyễn Ngọc Mẫn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG TOÀN THỊNH PHÁT
M.S.D.N: 0302602811 - C.T.C.P
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	**1. *Lợi nhuận trước thuế***		**28.334.885.629**	**63.263.487.190**
	2. *Điều chỉnh cho các khoản*			
02	Khấu hao tài sản cố định		17.664.773.660	13.092.629.834
03	Các khoản dự phòng	26	(5.613.025.025)	(48.811.330.440)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(50.829.052.550)	(59.688.951.231)
06	Chi phí lãi vay		62.577.691.521	88.289.276.060
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***52.135.273.235***	***56.145.111.413***
09	Giảm, (tăng) các khoản phải thu		113.501.465.010	(47.578.317.518)
10	Giảm hàng tồn kho		3.574.238.334	71.872.836.673
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		35.834.455.911	142.259.254.198
12	Tăng chi phí trả trước		(40.529.778.777)	(49.008.652.984)
13	Tiền lãi vay đã trả		(114.373.782.479)	(61.348.303.835)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29	(21.024.195.367)	(7.079.039.928)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.783.321.952)	(9.837.502.662)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***25.334.353.915***	***95.425.385.357***
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(423.022.774.341)	(314.949.521.391)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	27	762.368.827	30.613.284.008
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(359.832.245.348)	(189.717.400.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		497.642.067.377	364.679.445.394
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		43.018.617.588	21.809.207.059
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(241.431.965.897)***	***(87.564.984.930)***
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		678.767.566.595	1.580.778.672.500
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(428.292.268.091)	(1.565.461.622.462)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		**250.475.298.504**	**15.317.050.038**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		34.377.686.522	23.177.450.465
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		31.662.817.299	8.485.366.834
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	66.040.503.821	31.662.817.299

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2012

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Bảo An	Nguyễn Phú Hoà	Nguyễn Ngọc Mẫn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302602811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 04 năm 2003

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 06 tháng 01 năm 2012, Công ty đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 1, Số 130, đường Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Vốn điều lệ của Công ty là 396.741.270.000 đồng; tương đương 39.674.127 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát tại Đồng Nai	Lầu 2, Số 130 Nguyễn Ái Quốc, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát tại Bình Dương	Khu 7, Phường Phú Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2012 Công ty có 7 công ty con và 3 công ty liên kết - Trong đó Công ty TNHH MTV Giáo dục Toàn Thịnh Phát sở hữu 6 Trường học như được trình bày trong thuyết minh số 12 của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. (Ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4 công ty con và 5 công ty liên kết)

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 06 năm 2012 không hợp nhất phần lợi ích phát sinh tại 3 công ty liên kết do các công ty này đang trong giai đoạn đầu tư nên kết quả kinh doanh phát sinh không ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ và các công ty con gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh bất động sản. Kinh doanh nhà. Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu thương mại. Cho thuê kho bãi, văn phòng.
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sản xuất thủy tinh và Sản phẩm từ thủy tinh
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Đại lý, môi giới, đấu giá.

- Hoạt động của các cơ sở thể thao.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân loại vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
- Bán buôn đồ dùng khác cho Gia đình.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.
- Nhà hàng các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Cho thuê đồ dùng cá nhân và Gia đình khác.
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp.
- Vệ sinh chung nhà cửa.
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự.
- Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình.

2 . CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.
Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.
Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính chưa được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính
Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.
Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.
Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ, vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Bù trừ các công cụ tài chính
Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

2.4 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày và cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012. Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Tất cả các số dư và giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty được hợp nhất kể từ ngày công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày công ty không nắm quyền kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó công ty vẫn nắm quyền kiểm soát.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh đồng kiểm soát trong Báo cáo tài chính hợp nhất được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5 . Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Công ty được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ dự trữ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

2.6 . Góp vốn liên doanh

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích từ cổ đông thiểu số của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông thiểu số được ghi nhận là lợi thế thương mại trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý tại ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:
- Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả năm tài chính, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.8 . Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.9 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.10 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm

2.13 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao theo thời gian thuê đất của Công ty.

2.14 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận thuần sau thuế được phân phối cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

- *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác.

- *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.20 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.
Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn.Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm tài chính khi các chi phí này đã phát sinh.

2.21 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.22 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2.24. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Hợp đồng ủy thác đầu tư

Các tài sản đầu tư và vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải thu và các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán của Công ty.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.037.556.889	1.041.381.810
Tiền gửi ngân hàng	25.002.946.932	30.621.435.489
Các khoản tương đương tiền (1)	40.000.000.000	
	66.040.503.821	**31.662.817.299**

(1) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	105.000.000.000
Cho vay ngắn hạn	325.825.000.000	325.825.000.000
	335.825.000.000	**430.825.000.000**

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	7.356.242.190	41.727.126.734
Phải thu từ Ủy Thác Đầu tư	45.165.029.969	12.941.388.969
Phải thu Công ty TNHH Toàn Thành Tâm	51.720.000.000	31.000.000.000
Phải thu tiền triển khai Dự án Mỏ đá Sơn Trà	12.737.028.000	-
Phải thu khác	2.713.797.803	79.386.378.125
	119.692.097.962	**165.054.893.828**

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.297.107.171	695.732.922
Công cụ, dụng cụ	30.001.180	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	96.776.915.538	98.687.545.073
Thành phẩm	2.793.804.070	1.826.711.058
Hàng hoá	3.278.430.744	6.540.507.984
	104.176.258.703	**107.750.497.037**

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (tạm nộp 2%)	1.457.882.725	329.095.119
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	36.350.854
	1.457.882.725	**365.445.973**

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	27.417.103.351	21.361.381.874
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	887.423.180	317.856.380
	28.304.526.531	**21.679.238.254**

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	150.216.948.493	15.804.957.013	40.338.648.303	5.384.082.666	173.845.617	211.918.482.092
Số tăng trong kỳ	38.138.529.497	2.388.946.221	11.073.657.687	941.921.448	-	52.543.054.853
- *Mua sắm mới*	*29.562.876.157*	*2.175.027.586*	*10.272.551.525*	*941.921.448*	-	*42.952.376.716*
- *Đầu tư XDCB hoàn thành*	*8.575.653.340*	-	-	-	-	*8.575.653.340*
- *Tăng khác*	-	*213.918.635*	*801.106.162*	-	-	*1.015.024.797*
Số giảm trong kỳ	-	(71.640.908)	(414.108.523)	-	-	(485.749.431)
- *Thanh lý, nhượng bán*	-	*(71.640.908)*	*(241.025.273)*	-	-	*(312.666.181)*
- *Giảm khác*	-	-	*(173.083.250)*	-	-	*(173.083.250)*
Số dư cuối kỳ	**188.355.477.990**	**18.122.262.326**	**50.998.197.467**	**6.326.004.114**	**173.845.617**	**263.975.787.514**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	14.654.064.209	6.521.795.859	9.684.799.599	2.620.757.543	83.556.045	33.564.973.255
Số tăng trong kỳ	9.427.222.118	1.885.030.523	4.091.926.906	946.194.723	12.642.630	16.363.016.900
- *Khấu hao trong kỳ*	*9.427.222.118*	*1.885.030.523*	*4.091.926.906*	*946.194.723*	*12.642.630*	*16.363.016.900*
Số giảm trong kỳ	-	(56.846.710)	(66.017.626)	-	-	(122.864.336)
- *Thanh lý, nhượng bán*	-	*(56.846.710)*	*(4.202.176)*	-	-	*(61.048.886)*
- *Giảm khác*	-	-	*(61.815.450)*	-	-	*(61.815.450)*
Số dư cuối kỳ	**24.081.286.327**	**8.349.979.672**	**13.710.708.879**	**3.566.952.266**	**96.198.675**	**49.805.125.819**
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	135.562.884.284	9.283.161.154	30.653.848.704	2.763.325.123	90.289.572	178.353.508.837
Số dư cuối kỳ	**164.274.191.663**	**9.772.282.654**	**37.287.488.588**	**2.759.051.848**	**77.646.942**	**214.170.661.695**

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phầm mềm máy tính	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	118.569.954.329	2.312.999.554	-	-	-	120.882.953.883
Số tăng trong kỳ	31.441.516.454	10.000.000	-	-	-	31.451.516.454
- *Mua trong kỳ*	*31.441.516.454*	*10.000.000*	-	-	-	*31.451.516.454*
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**150.011.470.783**	**2.322.999.554**	-	-	-	**152.334.470.337**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	136.248.738	532.920.178	-	-	-	669.168.916
Số tăng trong kỳ	649.795.938	216.875.186	-	-	-	866.671.124
- *Khấu hao trong kỳ*	*649.795.938*	*216.875.186*	-	-	-	*866.671.124*
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**786.044.676**	**749.795.364**	-	-	-	**1.535.840.040**
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	118.433.705.591	1.780.079.376	-	-	-	120.213.784.967
Số dư cuối kỳ	**149.225.426.107**	**1.573.204.190**	-	-	-	**150.798.630.297**

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	**229.171.408.713**	**174.614.361.119**
- Dự án khu du lịch Nam Bãi Trường - Phú Quốc	13.336.999.995	13.493.542.746
- Dự án biệt thự Long Bình Tân - Giai đoạn 1	-	3.178.750.066
- Dự án biệt thự Long Bình Tân - Giai đoạn 2	184.253.283.585	134.535.402.710
- Dự án biệt thự Long Bình Tân - Giai đoạn 3	31.581.125.133	23.406.665.597
- Dự án The Pegasus Plaza	271.586.347.562	197.365.567.584
- Dự án The Pegasus Resort Kê Gà - PRK	67.291.136.879	-
- Dự án cải tạo cảnh quan ven Sông Đồng Nai - PRS	6.598.837.394	-
- Dự án trường Thoại Ngọc Hầu - Kiên Giang	479.416.551	479.416.551
- Sửa chữa trụ sở Toàn Thịnh Phát	179.845.844	112.152.445
- Xây dựng Khu phức hợp Vịnh Đầm - Phú Quốc	128.624.262.184	-
- Dự án Hòn Móng Tay	142.936.719	-
- Dự án mỏ đá Sơn Trà	1.106.767.339	-
- Dự án Xuân Hoàng	862.799.569	-
- Xây dựng sân golf, sân tennis	448.662.645	-
- Đầu tư sữa chữa trường học	718.364.126	-
- Các khoản khác	37.869.440	1.248.954.232
	707.248.654.965	**373.820.451.931**

12 . ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
12.1. Đầu tư vào công ty liên kết	**24.486.541.736**	**56.882.073.736**
- Công ty Cổ phần Toàn Thịnh Phát Kiên Giang	2.398.740.736	2.398.740.736
- Công ty Cổ phần Toàn Việt	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	7.087.801.000	-
- Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm Sài Gòn Thương Tín	-	200.000.000
- Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân		17.283.333.000
- Công ty Cổ phần Toàn Thành Tâm		22.000.000.000
	24.486.541.736	**56.882.073.736**

12.2 Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV KT XD Toàn Thịnh Phát	TP.HCM	100,00%	100,00%	Xây dựng, bất động sản
Công ty TNHH Thiết kế Toàn Thịnh Phát Trẻ	TP.HCM	92,50%	92,50%	Tư vấn thiết kế
Công ty TNHH MTV Toàn Thịnh Phát	Kiên Giang	100,00%	100,00%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Bình Thuận	100,00%	100,00%	Kinh doanh dịch vụ du lịch, nhà hàng

Công ty TNHH Xuân Hoàng	Kiên Giang	100,00%	100,00%	Vận tải hàng hóa, dịch vụ kho bãi cảng
Công ty CP Toàn Hải Vân	Kiên Giang	65,00%	65,00%	Vận tải hàng hóa, dịch vụ kho bãi cảng
Công ty TNHH MTV Giáo dục Toàn Thịnh Phát	Đồng Nai	100,00%	100,00%	Kinh doanh giáo dục
Trường TH-THCS-THPT Lê Qúy Đôn	Đồng Nai	100,00%	100,00%	Kinh doanh giáo dục
Trường TH, THCS-THPT Trịnh Hoài Đức	Đồng Nai	100,00%	100,00%	Kinh doanh giáo dục
Trường THCS-THPT Tân Phú	TP.HCM	75,00%	75,00%	Kinh doanh giáo dục
Trường TH, THCS, THPT Châu Á Thái Bình Dương	Đồng Nai	100,00%	100,00%	Kinh doanh giáo dục
Trường Mầm non Tư thục Châu Á Thái Bình Dương	Đồng Nai	100,00%	100,00%	Kinh doanh giáo dục
Trường Mầm non Quốc tế BamBi	Bình Dương	100,00%	100,00%	Kinh doanh giáo dục

13 . ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty cổ phần Giao thông Vận tải Đồng Nai	230.000.000	230.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	519.000.000	519.060.000
Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	5.190.237.971	31.500.000.000
Công ty cổ phần SX TM Toàn Thành Tâm	8.000.000.000	
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đồng Nai		7.087.801.000
Cổ phiếu Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Việt Nam	13.490.000.000	13.490.000.000
Cổ phiếu Trường Đại Học Yersin	14.000.000.000	14.000.000.000
Công ty CP Toàn Hải Vân	-	11.800.000.000
Công Ty CP Giao Dịch Hàng Hóa Sài Gòn Thương Tín (STE)	-	16.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	200.000.000	-
	41.629.237.971	**95.126.861.000**

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	49.813.245.743	10.582.335.962
Số tăng trong kỳ	30.561.475.264	40.238.482.941
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(9.932.572.069)	(1.007.573.160)
Số dư cuối kỳ	**70.442.148.938**	**49.813.245.743**

Trong đó, chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phân bổ chi phí tài chính	25.633.109.708	25.633.109.708
Chi phí giữ, quản lý tài khoản trái phiếu, phí tư vấn phát hành trái phiếu	-	448.983.528
Máy móc, dụng cụ quản lý	22.119.942.208	7.293.986.382
Chi phí trả trước dài hạn dàn giáo, coffa	22.689.097.022	15.673.378.136
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	763.787.989
	70.442.148.938	**49.813.245.743**

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	**270.453.072.229**	**383.718.551.754**
- Vay ngân hàng	270.453.072.229	383.718.551.754
	270.453.072.229	**383.718.551.754**

Chi tiết vay ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngân hàng	270.453.072.229	1.037.890.175.737
- *Ngân hàng Sacombank CN Đồng Nai*	*7.400.000.000*	*24.663.613.427*
- *Ngân hàng Sacombank - Hội Sở*	*250.058.072.229*	*337.955.938.327*
- *Ngân hàng Sacombank - CN Phú Quốc*	*12.995.000.000*	*21.099.000.000*
	270.453.072.229	**383.718.551.754**

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	5.699.877.445	1.203.102.084
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	49.082.576.526	64.595.134.755
Thuế Thu nhập cá nhân	1.090.457.015	708.418.965
Thuế Tài nguyên	432.000	-
	55.873.342.986	**66.506.655.804**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí giá vốn công trình	36.375.638.477	21.930.674.056
Chi phí lãi vay phải trả	10.283.770.154	62.079.861.112
Chi phí phải trả khác	1.117.535.095	2.791.621.202
	47.776.943.726	**86.802.156.370**

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.083.416.384	251.417.988
Công ty TNHH Toàn Hải Vân	5.910.000.000	
Phải trả cổ tức cho cổ đông	173.726.643	-
Phải trả, phải nộp khác	3.046.735.137	16.388.318.043
	10.213.878.164	**16.639.736.031**

19 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	**500.100.160.807**	**136.359.382.778**
- Vay ngân hàng	460.159.566.257	136.359.382.778
- Vay tổ chức khác	39.940.594.550	-
Nợ dài hạn	**550.000.000.000**	**550.000.000.000**
- Trái phiếu phát hành	550.000.000.000	550.000.000.000
	1.050.100.160.807	**686.359.382.778**

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu: phụ lục 1

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu: phụ lục 1

c) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.674.127	34.499.608
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.674.127	34.499.608
- *Cổ phiếu phổ thông*	*39.674.127*	*34.499.608*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.674.127	34.499.608
- *Cổ phiếu phổ thông*	*39.674.127*	*34.499.608*
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	(980.000.000)	(980.000.000)
Quỹ dự phòng tài chính	(5.184.736.687)	(5.616.287.472)
	(6.164.736.687)	**(6.596.287.472)**

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán bất động sản	3.683.134.546	-
Doanh thu cho thuê	3.947.536.051	1.074.222.270
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	169.840.539.594	216.755.982.776
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.757.595.878	31.624.784.141
Doanh thu bán hàng	8.860.120.230	
	235.088.926.299	**249.454.989.187**

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.525.504.977	1.580.304.717
	1.525.504.977	**1.580.304.717**

23 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán bất động sản	2.417.276.364	-
Doanh thu cho thuê	3.947.536.051	1.074.222.270
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	169.840.352.986	216.755.982.776
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.497.959.137	30.044.479.424
Doanh thu bán hàng	8.860.296.784	-
	233.563.421.322	**247.874.684.470**

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn bán bất động sản	1.839.057.054	-
Giá vốn cho thuê	572.914.357	547.970.550
Giá vốn từ các hợp đồng xây dựng	151.158.480.182	189.411.663.209
Giá vốn cung cấp dịch vụ	30.975.961.036	18.409.973.412
Giá vốn bán hàng	6.674.302.779	-
	191.220.715.408	**208.369.607.171**

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi hoạt động đầu tư	7.366.704.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.720.058.901	1.802.938.231
Lãi cho vay	41.288.020.877	43.120.120.926
Lãi đầu tư chứng khoán	31.303.680.393	-
Cổ tức	76.000	-
Các khoản khác	214.094.385	-
	81.892.634.556	**44.923.059.157**

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi vay	62.577.691.521	56.214.418.243
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	1.045.898.613	-
Hoàn nhập trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán	(5.454.000.000)	-
Các khoản khác	209.143.449	1.721.467.029
	58.378.733.583	**57.935.885.272**

27 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	762.368.827	5.874.604.289
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	508.246.419	-
Các khoản khác	558.176.460	-
	1.828.791.706	**5.874.604.289**

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	509.535.730	5.289.722.992
Chi phí khác	1.551.657.240	-
	2.061.192.970	**5.289.722.992**

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.334.885.629
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	*27.054.861.484*
+ Chi phí phải trả	16.076.536.336
+ Các khoản lỗ của các công ty con	2.078.518.039
+ Lợi thế thương mại phân bổ	2.025.080.040
+ Doanh thu nội bộ chịu thuế chưa thực hiện	6.874.727.069
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	*(76.000)*
+ Thu nhập cổ tức	(76.000)
Tổng lợi nhuận chịu thuế	55.389.671.113
Chuyển lỗ năm trước	(15.639.595.698)
Tổng lợi nhuận tính thuế	39.750.075.415
Trong đó:	
Lợi nhuận chịu thuế ước tính từ hoạt động giáo dục (thuế suất 10%)	*4.446.139.807*
Lợi nhuận chịu thuế ước tính từ hoạt động kinh doanh BĐS (thuế suất 25%)	*578.219.310*
Lợi nhuận chịu thuế ước tính từ hoạt động khác (thuế suất 25%)	*20.114.217.657*
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.515.363.505
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**5.515.363.505**
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	64.591.408.388
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(21.024.195.367)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	**49.082.576.526**

30 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí trích trước chưa được khấu trừ	161.853.703	
Lãi nội bộ chưa thực hiện	5.063.310.093	3.390.292.987
	5.225.163.796	**3.390.292.987**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Lãi nội bộ chưa thực hiện	(1.673.017.104)	
Chi phí trích trước hoàn nhập	213.666.590	-
	(1.459.350.514)	-

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	24.503.004.552	(693.547.910)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.503.004.552	(693.547.910)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	34.842.682	33.874.662
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**703**	**(20)**

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.040.503.821	-	31.662.817.299	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	228.931.752.375	(696.673.400)	312.792.130.949	(696.673.400)
Các khoản cho vay	335.825.000.000	-	430.825.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	430.825.000.000	-
Đầu tư dài hạn	41.629.237.971	-	95.126.861.000	(5.454.000.000)
	672.426.494.167	**(696.673.400)**	**1.301.231.809.248**	**(6.150.673.400)**

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1.320.553.233.036	1.070.077.934.532
Phải trả người bán, phải trả khác	99.989.753.980	119.022.241.107
Chi phí phải trả	47.776.943.726	86.802.156.370
	1.468.319.930.742	**1.275.902.332.009**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:
Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:
Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2012				
Vay và nợ	270.453.072.229	1.050.100.160.807	-	1.320.553.233.036
Phải trả người bán, phải trả khác	99.989.753.980	-	-	99.989.753.980
Chi phí phải trả	47.776.943.726	-	-	47.776.943.726
	418.219.769.935	**1.050.100.160.807**	**-**	**1.468.319.930.742**
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	19.977.773.725	1.050.100.160.807		
Phải trả người bán, phải trả khác	133.022.241.107	-		
Chi phí phải trả	86.802.156.370	-		
	239.802.171.202	**1.050.100.160.807**	**-**	**1.289.902.332.009**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 .NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Điều 4 của Nghị Quyết số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ-TTP ngày 23/04/2012 của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 499.931.850.000 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo soát xét đơn vị đã nộp hồ sơ xin tăng vốn lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

34 .SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ . Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 chưa được soát xét.

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2012

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Bảo An	Nguyễn Phú Hoà	Nguyễn Ngọc Mẫn

Phụ lục 1

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ này	**344.996.080.000**	**42.236.842.000**	**-**	**(980.000.000)**	**(5.616.287.472)**	**22.019.450.168**	**402.656.084.696**
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	24.503.004.552	24.503.004.552
Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	51.745.190.000	(34.497.770.000)	-	-	-	(17.247.420.000)	-
Trả cổ tức trong kỳ	-	-	-	-		(2.384.000)	(2.384.000)
Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	440.389.003	(440.389.003)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.191.856.392)	(2.191.856.392)
Chi quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	(8.838.218)	-	(8.838.218)
Số dư cuối kỳ này	**396.741.270.000**	**7.739.072.000**	**-**	**(980.000.000)**	**(5.184.736.687)**	**26.640.405.325**	**424.956.010.638**

Vào ngày 18/06/2012, Công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ là 10:1 (một cổ phiếu thưởng cho mười cổ phiếu hiện hữu), theo đó 33,33% nguồn vốn phát hành cổ phiếu thưởng được lấy từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2011 và 66,67% được lấy từ thặng dư vốn cổ phần. Đợt phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/12/NQ-ĐHĐCĐ-TTP ngày 23/04/2012. Theo đó, Công ty ghi nhận tăng vốn cổ phần là 51.745.190.000 đ và ghi giảm thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lần lượt là: 34.497.770.000 đồng và 17.247.420.000 đồng

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp các cổ đông	396.741.270.000	100,00%	344.996.080.000	100,00%
	396.741.270.000	**100%**	**344.996.080.000**	**100%**